TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 1155/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quận 12, ngày 29 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 413/2023/TLST–HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Phạm Đức T, sinh năm 1954
Thường trú: Ấp R, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.
Nơi cư trú: I, Tổ E, khu phố G, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972
Thường trú: 92D, Tổ E, khu phố G, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự kết hôn hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2006 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/2006), việc các bên yêu cầu Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Việc các bên thỏa thuận về nuôi con; Xác định tự thoả thuận về tài sản chung và nghĩa vụ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 9 năm 2023, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức T và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực giấy chứng nhận kết hôn số 47/2006, ngày 01/6/2006 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh không còn hiệu lực.

- Về con chung: Ông Phạm Đức T và bà Nguyễn Thị T xác định có 03 (ba) con chung tên Phạm Đức P, sinh ngày 22/6/2002, đã trưởng thành; Phạm Tiến Đ, sinh ngày 22/7/2008 và Phạm Thị Kim N, sinh ngày 20/10/2014. Hai bên thoả thuận, bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Phạm Thị Kim N và Phạm Tiến Đ, ông Phạm Đức T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông Phạm Đức T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền và lợi ích của con chung, sau này một hoặc hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Phạm Đức T và bà Nguyễn Thị T xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Phạm Đức T và bà Nguyễn Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Phạm Đức T và bà Nguyễn Thị T mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai thu số AA/2022/0005815 ngày 24/4/2023. Ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND Phường 15, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thảo